

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16/5/2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Thu và bà Bạc Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2023/TLST-HN&GD ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc: Khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 17/8/1997; địa chỉ: Bản H, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Lò Văn L; sinh ngày 11/4/1996; địa chỉ: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2023, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai và đơn xin vắng mặt của nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L kết hôn ngày 24/01/2019 và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng kết hôn trên sự tự nguyện của hai bên. Quá trình chung sống sau khi kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh L không tu chí làm ăn, chơi bời sử dụng ma túy. Do không khuyên được anh L, nên chị T không chịu đựng được. Đến đầu năm 2020 chị T và anh L đã sống ly thân. Thời gian sống xa nhau hai bên đều không còn quan tâm, chia sẻ. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa. Vì vậy chị T yêu cầu Tòa án giải quyết, cho chị T được ly hôn với anh Lò Văn L.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L có 01 con chung là Lò Phương O, sinh ngày 17/4/2020. Từ khi sống ly thân, cháu O do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu O đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Về án phí: Chị Lò Thị T có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lò Thị T hiện tại đang đi làm, không thể có mặt tại phiên tòa nên đề nghị xin được vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn L. Tại bản tự khai anh L khai cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn L và chị Lò Thị T kết hôn ngày 24/01/2019 và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng kết hôn trên sự tự nguyện của hai bên. Quá trình chung sống sau khi kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là chị T đi làm nên đã không còn chung thủy với anh L. Đến đầu năm 2020 đã sống ly thân. Anh L cũng đã nhiều lần khuyên chị T quay về đoàn tụ nhưng chị T không nghe. Thời gian sống xa nhau hai bên đều không còn quan tâm, chia sẻ. Đến nay chị T xin ly hôn, anh Lò Văn L không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lò Văn L và chị Lò Thị T có 01 con chung là Lò Phương O, sinh ngày 17/4/2020. Từ khi sống ly thân, cháu O do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu O đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Quá trình xác minh tại địa phương: Giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn L đã có mâu thuẫn do thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở từ năm 2020 cho đến nay. Xác nhận chị T và anh L có 01 người con chung là cháu Lò Phương O, sinh ngày 17/4/2020; hiện tại chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giao cho chị T nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị T, cho chị Lò Thị T ly hôn với anh Lò Văn L; giao cháu Lò Phương O, sinh ngày 17/4/2020 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động; về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Tòa án xem xét; quan hệ tài sản không có nên không đề nghị xem xét. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Lò Thị T là người

dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị T có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị T với anh Lò Văn L thì được xác định là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện, anh L có nơi ĐKTT tại bản Vánh 3, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự đúng theo quy định Điều 174; Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị T có đơn xin vắng mặt, anh L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc đưa ra xét xử vắng mặt của của các đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L, kết hôn ngày 24/01/2019 và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Kết hôn trên sự tự nguyện, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình. Cuộc sống chung của chị T và anh L hạnh phúc được thời gian đầu, đến cuối năm 2019 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Đến năm 2020 thì sống ly thân. Trong quá trình giải quyết, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn.

Xét thấy cuộc sống giữa chị T và anh L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, căng thẳng, không thể hòa hợp, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân đã lâu, trong thời gian sống ly thân không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau mà mỗi người đều có cuộc sống riêng, nên thấy rằng giữa chị T và anh L không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung do mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ. Do đó HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T, cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn L.

[3]

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L đều xác nhận có 01 con chung là Lò Phương O, sinh ngày 17/4/2020. Sau ly hôn chị Lò Thị T và anh Lò Văn L đều có nguyện vọng nuôi con.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị T và anh L thì thấy: Kể từ thời gian chị T sống ly thân với anh L, chị T đã đem con chung đi theo và nuôi dưỡng. Đến

nay cuộc sống của cháu O vẫn được chị T đảm bảo. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình; thì con chung dưới 36 tháng tuổi giao cho người mẹ. Như vậy tính đến thời điểm giải quyết cháu O chưa đủ 36 tháng tuổi, độ tuổi còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Ngoài ra chị T còn được gia đình hỗ trợ cùng chị T chăm sóc cháu O, đảm bảo cho cháu O có một cuộc sống ổn định, phát triển tốt nhất. Do đó để cháu O có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; thì HĐXX căn cứ vào các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận về yêu cầu giao nuôi con chung của chị T. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng; HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị T có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm; Hội đồng xét xử xét thấy chị T đủ điều kiện để miễn án phí dân sự sơ thẩm; vì vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn L.
2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Lò Phương O, sinh ngày 17/4/2020 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.
4. Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã Chiềng Đông;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Bạc Thị Phương

Lý A Thu

Lương Thị N

